TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm Số: 15/2018/DS-GĐT Ngày 26-6-2018 V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tham gia xét xử gồm có: 13 (mười ba) thành viên; Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1947;

Cư trú tại: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

1.2. Bà Huỳnh Thị V (D), sinh năm 1956;

1.3. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1952;

1.4. Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Khóm B, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

1.5. Bà Huỳnh Thị H1 (V), sinh năm 1956;

Cư trú tại: Khóm H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

1.6. Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1960;

Cư trú tại: Số 117, Khóm S, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H3, sinh năm 1960;

Cư trú tại: Khóm B, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1964;

3.2. Bà Huỳnh Thị H4, sinh năm 1968;

3.3. Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1986;

3.4. Anh Huỳnh Văn T3, sinh năm 1991;

Cùng cư trú tại: Khóm B, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3.5. Ông Thạch S, sinh năm 1959;

3.6. Cụ Lê Văn B, sinh năm 1932;

3.7. Ông Dương Hoàng S1, sinh năm 1957;
Cùng cư trú tại: Khóm B, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
3.8. Ông Hồ Văn D1, sinh năm 1960;
3.9. Ông Lý Chính T4, sinh năm 1976;
3.10. Chị Lý Thị Minh H5, sinh năm 1985;
Cùng cư trú tại: Số M, Khóm S, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/9/1998, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2012, bà Huỳnh Thị H2 (đại diện cho các đồng nguyên đơn) trình bày:

Vợ chồng cụ Huỳnh Văn C (Huỳnh Q), cụ Diệp Thị N (Diệp Thị M) có 07 người con gồm các ông, bà: ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị H2 (các nguyên đơn) và ông Huỳnh Văn H3 (bị đơn). Cụ C (chết năm 1967), cụ N (chết 1996) để lại căn nhà thờ, các cây lâu năm trên lô đất khoảng 12.000m^2 (nay là các thửa số 525, 527, 528, 529, 530, 531) tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Ông H3 đã đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 525, diện tích 10.090m^2, trên đất có nhà thờ. Các thửa số 527, 528, 529, 531 do một số hộ được cụ N cho cất nhà ở nhờ từ khi cụ còn sống. Thửa 527 do ông Lê Văn Đ ở nhờ, theo Bản án dân sự phúc thẩm số 205/2006/DS-PT ngày 25/7/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thì ông Đ phải hoàn trả cho hộ ông H3 (đại diện các thừa kế của vợ chồng cụ N) số tiền 165.000.000đ giá trị quyền sử dụng thửa đất này.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của vợ chồng cụ N gồm diện tích 10.090m^2 (đất ông H3 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sau khi trừ diện tích nhà thờ và lối đi chung; giá trị cây trên lô đất; giá trị quyền sử dụng đất các hộ ở nhờ đã trả cho ông H3.

Ngày 24/12/2012, các nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 525, diện tích 10.090m^2 (số đo thực tế là 10.896,6m^2) nhưng trừ nhà thờ và lối đi với diện tích 356,7m^2 (giao cho ông H3 quản lý để thờ cúng chung); giá trị cây lâu năm trên đất và số tiền 165.000.000đ nêu trên.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn H3 trình bày:

Vợ chồng cụ C, cụ N tạo lập được lô đất gồm các thửa đất nêu trên (có lúc ông cho rằng nguồn gốc đất là của vợ chồng cố Điệp B, cố Thái Thị S để lại cho con gái là cụ N (mẹ của ông) quản lý, sử dụng. Do ông sống từ nhỏ với cha mẹ và chăm sóc cụ N nên cụ N đã cho ông thửa đất số 525, diện tích 10.090 m^2 (không làm giấy tờ). Ông đăng ký kê khai đứng tên trong sổ địa chính năm 1992 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 525.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông đồng ý tách diện tích nhà thờ và lối đi trong thửa 525 làm sở hữu chung do ông quản lý để thờ cúng và đồng ý chia 160.000.000đ cho các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị H4, anh Huỳnh Văn T2, Huỳnh Văn T3 thống nhất lời trình bày của ông Huỳnh Văn H3.

2. Ông Hồ Văn D1, ông Lý Chính T4, chị Lý Thị Minh H5 thống nhất theo lời trình bày của các nguyên đơn.

3. Cụ Lê Văn B, ông Dương Hoàng S1, Ông Thạch S trình bày: Các ông có ở nhờ trên các thửa đất số 528, 529, 531 của cụ N từ trước năm 1975. Ngày 30/12/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố T, các ông đã thanh toán xong giá trị quyền sử dụng đất các thửa đất trên cho các con của cụ N và các con của cụ N thống nhất làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho các ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/DSST ngày 14/01/2003, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T quyết định:

Bác yêu cầu của ông Huỳnh Văn H3 về việc ông không đồng ý chia diện tích: 10.090m^2 đất ở, cây lâu năm cho các anh chị em của ông.

Chấp nhận yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất trong diện tích 10.090 m^2 đất, cây lâu năm, giữa ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 với ông Huỳnh Văn H3.

Giao cho ông Huỳnh Văn H3 được hưởng và tiếp tục sử dụng diện tích 2.882m^2 đất ở (cây lâu năm) ngay phần đất ông đang ở sử dụng hiện nay chiết thửa 525. Đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Phần đất ông H3 hưởng (có ghi rõ tứ cận).

Ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 được hưởng chung diện tích 7.208m^2 phần còn lại của thửa 525. Đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có ghi rõ tứ cận).

Buộc ông Huỳnh Văn H3 phải giao toàn bộ diện tích 7.208m^2 chiết từ thửa số 525, phần đất cây lâu năm và các tài sản khác có trên phần đất để giao cho ông X, bà V, bà T, bà H, bà H1 và bà H2 được quyền sử dụng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 525 do ông H3 đứng tên để giao các nguyên đơn làm thủ tục được cấp quyền sử dụng đất.

Đối với nhà thờ, các bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Đối với phần đất các hộ đang ở tạm, nếu có tranh chấp nghĩ dành cho ông X, bà V, bà T, bà H, bà H1 và bà H2 với ông H3 được quyền khởi kiện chia thừa kế với các hộ ở tạm trên đất bằng một vụ kiện khác.

Ngày 16/01/2003, ông Huỳnh Văn H3 có đơn kháng cáo.

Bản án dân sự phúc thẩm số 11/DS-PT ngày 08/01/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/DSST ngày 14/01/2003 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử về vụ tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất giữa các nguyên đơn ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 với bị đơn ông Huỳnh Văn H3.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện C để Tòa án nhân dân huyện C chuyển giao cho Tòa án nhân dân thị xã T xét xử từ sơ thẩm theo thẩm quyền.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2007/DSST ngày 30/7/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về xin được chia thừa kế quyền sử dụng đất tại các thửa 527, 528, 529, 530, 531, 525 và cây lâu năm tại thửa 525.

Công nhận diện tích đất 10.090m^2 và cây lâu năm tại thửa 525 là di sản của cụ Huỳnh Văn C và cụ Diệp Thị N để lại.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng nguyên đơn để lại căn nhà thờ và diện tích 680 m^2 tại thửa 525, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thị xã T làm sở hữu chung (có ghi rõ tứ cận).

Ông Huỳnh Văn H3 cùng hộ gia đình được quyền sử dụng diện tích đất 1.140 m^2 tại thửa 525, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thị xã T (có ghi rõ tứ cận).

Diện tích đất còn lại thửa 525 (theo Công văn số 95 ngày 25/7/2007 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất) 10.560m^2 - 680m^2 - 1.140m^2 = 8.740m^2 và diện tích 330m^2 giáp hương lộ 9 thuộc quyền sử dụng của các đồng nguyên đơn. Các đồng nguyên đơn được hưởng, sở hữu các loại cây lâu năm trên thửa 525.

Các đồng nguyên đơn và bị đơn được hưởng mỗi người một suất thừa kế của số tiền ông Đ, ông S, ông B, ông S1 phải trả bằng 33.600.000 đồng, số tiền này được chia theo tỷ lệ phần trăm sau khi ông S, ông B, ông S1 nộp tại Ủy ban nhân dân Phường T và số tiền ông Đ phải thi hành án.

Ngày 10/8/2007, ông Huỳnh Văn H3 có đơn kháng cáo.

Bản án dân sự phúc thẩm số 73/2008/DS-PT ngày 12/3/2008, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2007/DSST ngày 30/7/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DSST ngày 16/4/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa số 525 diện tích 10.090m^2 (đo thực tế sử dụng là 10.868,6m^2) và cây lâu năm trên đất; chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn yêu cầu ông H3 chia 165.000.000 đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh Văn C (Huỳnh Q) và cụ Diệp Thị N (Diệp Thị M) gồm: Ông Huỳnh Văn H3, Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2.

Công nhận diện tích đất 10.090m^2 (đo thực tế 10.868,6m^2) và cây lâu năm trên đất tại thửa 525 và 165.000.000 đồng là di sản của cụ Huỳnh Văn C và cụ Diệp Thị N để lại.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng nguyên đơn và bị đơn để lại căn nhà thờ và lối đi chung diện tích đất 356,7m^2 (trong đó diện tích nhà là 220,3m^2, lối đi chung là 136,4m^2), một phần của thửa đất số 525, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thị xã T làm sở hữu chung. Giao cho ông Huỳnh Văn H3 trực tiếp quản lý nhà thờ nói trên, các đồng thừa kế và con cháu trong họ có quyền tới lui chăm sóc, hương khói. Trường hợp có thay đổi hiện trạng vị trí, tặng cho, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp hoặc dùng để ở thì phải được sự thống nhất trong tất cả đồng thừa kế.

Công nhận 1/2 diện tích 5.255,95m^2 đất trong tổng diện tích đất còn lại 10.511,9m^2 của thửa 525 phần di sản của cụ Diệp Thị N (Diệp Thị M) giao cho ông Huỳnh Văn H3 được quyền sử dụng.

Công nhận 1/2 diện tích 5.255,95m^2 còn lại của thửa 525 là phần di sản của cụ Huỳnh Văn C (Q) được chia cho các đồng thừa kế gồm ông Huỳnh Văn H3, Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 mỗi kỷ phần được hưởng 750,85m^2, như vậy bà Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 được hưởng diện tích chung 4.434,8m^2 và các cây lâu năm có trên đất (diện tích 4.434,8m^2 là ít hơn 70,3m^2 so với tổng số diện tích chung mà các nguyên đơn được hưởng) do các nguyên đơn không có yêu cầu chia ra từng kỷ phần nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao cho ông H3 quản lý sử dụng phần diện tích 70,3 m^2 trên. Buộc ông H3 trả lại cho các nguyên đơn giá trị với số tiền là 37.962.000 đồng.

Ông H3 được hưởng phần di sản của cụ N và kỷ phần ông H3 được hưởng của cụ C và phần 70,3m^2; Tổng diện tích chung là 6.077.1m^2 tại thửa 525 và các cây lâu năm hiện có trên đất.

Buộc ông Huỳnh Văn H3 chia cho các đồng nguyên đơn mỗi người được hưởng 23.571.000 đồng (từ số tiền 165.000.000 đồng ông H3 đang quản lý.)

Thửa 530 do bà Huỳnh Thị Thu H quản lý sử dụng có diện tích 190m^2 các bên không có yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc ông Huỳnh Văn H3 giao lại cho các đồng nguyên đơn số tiền 49.505.642 đồng (tiền chênh lệch giá trị cây được hưởng), do các nguyên đơn không có yêu cầu chia ra từng người nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngày 27/4/2015, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H2, bị đơn ông Huỳnh Văn H3 có đơn kháng cáo.

Bản án dân sự phúc thẩm số 123/2016/DS-PT ngày 13/6/2016, Tòa án

nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị H2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn H3. Sửa một phần Bản án sơ thẩm.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn, yêu cầu chia thừa kế di sản do cụ Diệp Thị N để lại. Bác yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 10.090 m^2 (đo thực tế 10.868,6 m^2) và cây lâu năm trên đất tại thửa 525 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thị xã T, tỉnh Trà Vinh.

- Xác định số tiền 165.000.000 đồng do ông Lê Văn Đ thanh toán tiền sử dụng 330m^2 đất đối với thửa đất số 527, tờ bản đồ số 2, tại Khóm B, Phường T, thị xã T, tỉnh Trà Vinh là di sản của cụ Diệp Thị N để lại (hiện nay ông H3 đang quản lý).

+ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Diệp Thị N (Diệp Thị M) gồm: ông Huỳnh Văn H3, Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2.

+ Buộc ông Huỳnh Văn H3 chia cho các đồng nguyên đơn gồm Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 mỗi người được hưởng 23.571.000 đồng.

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đồng nguyên đơn và bị đơn, để lại căn nhà thờ và lối đi chung diện tích đất 356,7m^2 (trong đó diện tích nhà là 220,3m^2, lối đi chung là 136,4m^2) thuộc một phần của thửa đất số 525, tờ bản đồ số 2, tại Khóm B, Phường T, thị xã T, tỉnh Trà Vinh làm sở hữu chung của các ông bà Huỳnh Văn H3, Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2. Giao cho ông Huỳnh Văn H3 trực tiếp quản lý nhà thờ nói trên, các đồng thừa kế và con cháu trong họ có quyền tới lui chăm sóc, hương khói. Trường hợp có thay đổi hiện trạng vị trí, tặng, cho, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp hoặc dùng để ở thì phải được sự thống nhất trong tất cả các đồng thừa kế. Tứ cận căn nhà thờ kèm theo sơ đồ số 01 và lối đi chung được xác định vị trí (C) trên sơ đồ số 02 kèm theo.

- Diện tích đất còn lại ông H3 được quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Ông H3 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 17/10/2016, ông Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 03/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 31/01/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 123/2016/DS-PT ngày 13/6/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 16/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh; giao hồ sơ vụ

án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại Tòa án, các thừa kế của vợ chồng cụ Huỳnh Văn C (Huỳnh Q), cụ Diệp Thị N (Diệp Thị M) đều xác định các thửa đất 525, 527, 528, 529, 530, 531 tọa lạc tại Khóm B, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do cụ C, cụ N tạo lập, riêng ông H3 còn có lời khai cho rằng các thửa đất trên có nguồn gốc của vợ chồng cố Điệp B, cố Thái Thị S (cha mẹ cụ N) để lại cho cụ N. Trong vụ án tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 532, diện tích 3.320 m^2 đất nghĩa địa (Bản án dân sự phúc thẩm số 69/DSPT ngày 17/8/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh), các thừa kế của vợ chồng cố S (gồm cả các thừa kế chuyển tiếp là ông X, bà V, bà H và ông H3) đều xác nhận diện tích hơn 10 công đất gồm đất ở, đất cây lâu năm, đất nghĩa địa có nguồn gốc của vợ chồng cố S để lại cho cụ N quản lý; cụ Diệp Thị T5 (đại diện các thừa kế của vợ chồng cố S) đề nghị ông H3 chia phần đất ở, đất cây lâu năm cho các con cụ N, giao cho cụ T5 quản lý phần đất nghĩa địa, còn ông H3 khai toàn bộ đất có nguồn gốc của vợ chồng cố S để lại cho vợ chồng cụ N, ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý giao phần đất nghĩa địa cho cụ T5.

Theo Phiếu cung cấp thông tin ngày 28/6/2007 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Trà Vinh, năm 1983 cụ N đứng tên sổ mục kê thửa số 267, diện tích 11.300 m^2 (nay là các thửa đất 525, 527, 528, 529, 530, 531). Năm 1991 cụ N đứng tên thửa số 525, diện tích 10.090 m^2. Năm 1992 ông H3 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất này (các thông tin trên được thể hiện trong hồ sơ địa chính gốc).

Thực tế, vợ chồng cụ C, cụ N và cố S cùng chung sống tại thửa số 525 cho đến năm 1967 thì cụ C chết và sau đó cố S chết năm 1973. Ngoài ra, trên thửa đất số 525 còn có căn nhà thờ đang được các thừa kế của vợ chồng cụ N sử dụng làm nơi thờ cúng. Do đó, cần phải thu thập chứng cứ làm rõ nguồn gốc các thửa đất nêu trên do vợ chồng cố S hay vợ chồng cụ C, cụ N tạo lập? Căn nhà thờ trên thửa đất số 525 được xây dựng vào thời điểm nào, do ai đứng ra xây dựng? Nếu các thửa đất trên do vợ chồng cố S tạo lập thì cụ N được thừa hưởng các thửa đất này trước hay sau khi cụ C chết khi đó mới đủ căn cứ để giải quyết vụ án.

[2] Trong khi chưa làm rõ các nội dung trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 525 và số tiền 165.000.000 đồng là di sản của vợ chồng cụ C, cụ N để lại là chưa đủ căn cứ vững chắc.

Tại Tòa án, ông H3 cho rằng cụ N cho ông thửa đất số 525 nêu trên, nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Theo Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ngày 23/12/1992 và Biên bản ghi chi tiết quá trình xét của Hội đồng đăng ký đất xã L thể hiện ông H3 đăng ký kê khai thửa số 525, diện tích 10.090 m^2 với

nguồn gốc "đất ông bà cho", được Hội đồng duyệt "Xét cấp". Tại Công văn số 216/STNMT ngày 15/12/2003, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh xác định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H3 hiện đang lưu trữ tại Sở ngoài Đơn đăng ký quyền sử dụng đất có chữ ký của ông H3 và chữ ký xét cấp của Chủ tịch Hội đồng đăng ký đất xã L thì không có chữ ký nào khác trên đơn và cũng không kèm theo những giấy tờ liên quan nào khác. Như vậy, Hội đồng đăng ký đất xã L chỉ căn cứ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông H3 (do ông H3 tự khai), không xác minh nguồn gốc nhà đất, ý kiến của cụ N (người kê khai, đứng tên đất vào các năm 1983, 1991) để chấp nhận xét duyệt đơn của ông H3 là không đúng. Mặt khác, theo Biên bản về việc đối chiếu hộ khẩu ngày 21/8/2009 của Đội cảnh sát quản lý hành chính thị xã T và Xác nhận ngày 25/4/2011 của Công an thành phố T, cụ N đăng ký hộ khẩu ngày 27/8/1984, gồm 6 nhân khẩu: cụ N (chủ hộ) cùng các con (trong đó có ông H3) và cụ N là chủ hộ đến khi chết (năm 1996). Do đó, năm 1995 Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 525 cho hộ ông H3 là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai.

Toà án cấp phúc thẩm cho rằng ông H3 đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi cụ N còn sống, nhưng cụ N không có ý kiến gì, tức cụ N đã định đoạt xong đối với thửa đất 525 là không có căn cứ. Hơn nữa, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định năm 1995 Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H (thực tế là cấp cho hộ ông H, gồm có cả cụ N) là đúng pháp luật, từ đó bác toàn bộ yêu cầu chia di sản của cụ N tại thửa đất 525 của các nguyên đơn cũng là không đúng, không đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều xác định các nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế các thửa số 528, 529, 531. Thực tế, trong quá trình giải quyết, các đồng thừa kế của cụ N và các hộ ở nhờ tại các thửa đất trên đã thỏa thuận thanh toán xong tiền giá trị quyền sử dụng các thửa đất này tại Ủy ban nhân dân Phường T. Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/4/2015, các nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (xác định đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết về các thửa đất trên). Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không quyết định đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đương sự đã rút là vi phạm nghiêm trọng khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/2018/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 31/01/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 123/2016/DSPT ngày 13/6/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2015/DS-ST ngày 16/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đối

với vụ án "tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là Huỳnh Văn X, bà Huỳnh Thị V, bà Huỳnh Thị T, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị H1 và bà Huỳnh Thị H2 với bị đơn ông Huỳnh Văn H3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Trà Vinh (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Vụ GĐKT II (03 bản).

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Quang